

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

Về việc Tranh chấp hợp  
đồng hợp tác (góp vốn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tô Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường B, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng hợp tác (góp vốn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; thường trú: Số 989/15 (số cũ 1243/4) Tỉnh lộ 43, Tổ 6, Khu phố 2, phường B, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 281 đường Ng, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1973; tạm trú: Nhà không số, Tổ 25, đường Ng, khu phố Ch, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ làm việc: Công ty TNHH Thương mại sản xuất sơn Jumex, số 107 (số cũ 269/6C), đường Tr, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đồng Xuân Th, sinh năm 1973; thường trú: Số 80/8A đường B, Khu phố 3, phường B, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/8/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ông C trình bày:

Ông C là anh họ của ông Đ. Khoảng tháng 10 năm 2018, ông C và ông Đ có bàn nhau sẽ góp vốn để cùng mở cửa hàng kinh doanh ván ép tại 1272 đường 23/10, V, xã V, thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa. Lúc đầu ông C và ông Đ thỏa thuận mỗi người góp 1.000.000.000 đồng, nhưng sau đó hai bên không chuyển tiền mặt mà thống nhất sẽ mua sắm các thiết bị để phục vụ cho việc kinh doanh, sau đó sẽ tính toán lại. Ông Đ mua hai máy cắt 800.000.000 đồng và các thiết bị khác 110.000.000 đồng, tổng cộng ông Đ góp 910.000.000 đồng; ông C nhập ván ép, làm nhà xưởng, lắp đặt các thiết bị để đảm việc sản xuất, kinh doanh với số tiền 1.362.199.000 đồng, Tổng cộng ông C và ông Đ góp 2.272.199.000 đồng (ông C làm tròn 2.272.000.000 đồng), như vậy mỗi người phải góp là 1.136.000.000 đồng, ông C đã bỏ ra số tiền 226.000.000 đồng góp cho ông Đ cho đủ 1.136.000.000 đồng. Vì vậy, ông Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông C 226.000.000 đồng. Ngày 20/5/2019 ông Đ đã trả cho ông C 128.242.000 đồng (số tiền này ông Đ cân trừ cho ông C từ việc ông C và ông Đ bán phần góp vốn cho ông Thấu), ông Đ còn nợ lại ông C 97.758.000 đồng. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho ông số tiền 97.758.000 đồng, ông C không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn ông Cao Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2020, ông Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận ông còn thiếu ông C số tiền 97.758.000 đồng, số tiền này là một phần trong số tiền ông C bỏ ra góp vốn thay cho ông Đ (226.000.000 đồng). Khoảng một tuần sau ngày 20/5/2020, ông Đ tiếp tục cân trừ 30.000.000 đồng (15.000.000 đồng tiền xe và 15.000.000 đồng tiền công nợ ván), ông Đ chỉ còn nợ lại ông C 67.758.000 đồng, hai bên có tính toán và lập giấy tờ nhưng ông Đ giao cho ông C giữ. Khoảng sau tết 2020, ông Đ tiếp tục bỏ ra khoảng gần 200.000.000 đồng tiền mua hàng để kinh doanh chung. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sẽ có yêu cầu cụ thể đối với nguyên đơn về số tiền mà ông bỏ ra mua hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Xuân Thấu có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 26/5/2020, ông Thấu trình bày:

Ông Th là bạn của ông C. Khoảng tháng 4 năm 2019, qua sự giới thiệu của ông C, ông Th có mua lại phần vốn góp của ông C và ông Đ với số tiền 256.485.000 đồng/02 người, tương ứng với 33% của tổng vốn góp. Thời điểm này do ông Đ đang nợ ông C nên ông Đ đồng ý cân trừ phần ông Thấu góp vốn số tiền 128.242.000 đồng cho ông C. Do tình hình dịch bệnh nên ông Th đã thống nhất với ông C, ông Đ ngừng việc kinh doanh, về quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ tự thỏa thuận với nhau.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 97.758.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Xuân Thấu có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Cao Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý vụ án với quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp vốn (hợp tác) và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền vay 15.000.000 đồng, nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ tranh chấp về số tiền đã hợp tác (góp vốn). Vì vậy, Tòa án thay đổi quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

[3] Xét số tiền nguyên đơn và bị đơn hợp tác: Ông C và ông Đ hợp tác để kinh doanh cửa hàng ván ép, mỗi bên hùn vốn số tiền 1.136.000.000 đồng (số tiền này quy ra từ việc cả hai bên mua máy móc, xây nhà xưởng, lắp đặt thiết bị, mua vật tư phục vụ cho việc kinh doanh). Bản thân ông C ngoài việc hùn vốn số tiền 1.136.000.000 đồng (thông qua việc làm nhà xưởng, mua vật tư), ông C còn bỏ ra 226.000.000 đồng (thông qua việc làm nhà xưởng, mua vật tư) cho ông Đ để bù cho đủ số tiền ông Đ phải góp vốn là 1.136.000.000 đồng. Theo biên bản thanh lý công nợ lập ngày 18/4/2019 ông Đ đã xác nhận còn nợ ông C số tiền 226.000.000 đồng, ngày 18/5/2019, ông Đ đã trả cho ông C số tiền 128.242.000 đồng, ông C còn nợ lại số tiền 97.758.000 đồng (ông Đ thừa nhận tại biên bản

lấy lời khai ngày 10/8/2020). Như vậy, đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ông C khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại số tiền 97.758.000 đồng, ông Đ không đồng ý trả, vì ông cho rằng sau khi chốt lại số tiền này, ông Đ còn tiếp tục trả 15.000.000 đồng tiền xe và 15.000.000 đồng tiền công nợ vắn, đồng thời bỏ ra hơn 200.000.000 đồng để mua thêm vật tư phục vụ cho việc kinh doanh. Nhận thấy, số tiền 97.758.000 đồng ông Đ còn thiếu ông C là số tiền góp vốn ban đầu mà ông Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông C, ông Đ chưa trả lại cho ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả là có cơ sở xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cam kết cung cấp chứng cứ cho Tòa án và có yêu cầu cụ thể với ông C. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai ông Đ vẫn không cung cấp chứng cứ và không có đơn yêu cầu phản tố đối với ông C. Ông C không thừa nhận việc ông Đ đã trả 30.000.000 đồng sau khi chốt số tiền 97.758.000 đồng, ông Đ cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc thanh toán số tiền này nên không có căn cứ để xem xét cho ông Đ. Các bên đương sự đều không có yêu cầu giải quyết về quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng hợp tác, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp xảy ra, các bên sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 97.758.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Văn Đ phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 92, 357, 504 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn ông Cao Văn Đ.

Buộc ông Cao Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 97.758.000 (chín mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Văn Đ phải chịu 4.887.900 (bốn triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm) đồng. Ông Nguyễn Văn C không phải chịu, ông C được trả lại 3.439.000 (ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040390 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Dĩ An;
- CCTHA dân sự TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

**Nguyễn Thị Thắm**